

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨ THU'
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 01/7/2020
V/v “Tranh chấp hôn nhân và
gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THU' - TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thoan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhiều
2. Ông Nguyễn Thanh Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2020/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2020 về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17/6/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Đào Thị Ngọc C**, sinh năm 1998

Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện H, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Anh **Lâm Anh T**, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(Chị C có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/02/2020 cũng như tại bản tự khai và tài liệu, chứng cứ đã xuất trình tại Tòa án, nguyên đơn chị Đào Thị Ngọc C trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lâm Anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình vào ngày 30/3/2019. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau tại gia đình anh T ở thôn Đ, xã T. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được hơn 01 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống hàng ngày của vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, cãi vã nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T hay chơi lô đề, cờ bạc, rượu chè dẫn đến nợ nần rồi về nhà chửi bới chị C. Gia đình anh T không thông cảm cho chị mà còn bênh vực anh T. Do cuộc sống gia đình mâu thuẫn, không có hạnh phúc nên từ ngày 09 tháng 6 năm 2019 chị C đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị ở xã M, huyện H để sinh sống. Từ đó cho đến thời điểm Tòa án giải quyết ly hôn hiện nay, chị C và anh T vẫn sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Anh T cũng không còn yêu thương và không quan tâm đến chị nữa. Từ khi chị bỏ đi đến nay anh T và gia đình anh T chưa lần nào tìm gọi chị về. Bản thân chị C đã động viên anh T và cho anh T cơ hội để sửa chữa nhưng không có kết quả, anh T vẫn không thay đổi và cuộc sống vợ chồng rơi vào bế tắc. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Hiện chị C không có thai với anh T.

Về con chung: Chị và anh T không có con chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung của chị và anh T: Chị và anh T không có tài sản chung ngoài 07 chỉ vàng 9999 được tặng trong ngày cưới. Tuy nhiên, số vàng này anh T đã cầm 05 chỉ sau khi cưới, chi tiêu vào việc gì anh T không nói với chị. Còn 02 chỉ thì chị đã bán đi để trả nợ tiền thuốc do chị bị sảy thai trước đó (thai là con chung của chị và anh T) nên không còn. Quan điểm của chị là nếu anh T về thì vợ chồng chị sẽ tự giải quyết, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về số vàng này.

Về nợ chung của vợ chồng: Chị và anh T không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn anh Lâm Anh T** đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không có mặt tại Tòa án để nộp bản tự khai và trình bày quan điểm của mình đối với yêu cầu của chị C. Tòa án đã ra Thông báo yêu cầu anh T chấp hành Giấy triệu tập của Tòa án và giao nộp văn bản thể hiện quan điểm của anh T đối với việc giải quyết vụ án nhưng anh T không chấp hành. Tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và tại phiên tòa anh T cũng vắng mặt không lý do. Vì vậy anh T không thể hiện quan điểm của mình trong vụ án.

***/ Theo ông Lâm Văn Th, sinh năm 1952 và bà Lê Thị T, sinh năm 1959, cùng cư trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình (là bố mẹ đẻ của anh T) trình bày** tại biên bản ghi lời khai người làm chứng ngày 13/5/2020 tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã T, trước sự chứng kiến của đại diện cơ sở thôn Đ, đại diện Ủy ban nhân dân xã T và đại diện Tòa án, ông Th bà T trình bày như sau:

Về thời gian, điều kiện kết hôn của chị C và anh T đúng như chị C đã trình bày. Sau khi kết hôn anh T và chị C chung sống hạnh phúc được 01 tháng 24 ngày thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Theo ông Th bà T thì nguyên nhân mâu thuẫn của chị C và anh T là do những xích mích nhỏ nhặt trong cuộc sống hàng ngày, mặt khác do tính tình của anh T và chị C không hợp dẫn đến tranh cãi, chửi bới lẫn nhau. Chị C đã có những lời lẽ và tin nhắn xúc phạm anh T trên mạng xã hội. Vợ chồng chị C đã sống ly thân từ tháng 5/2019, hiện tại chị C đã về nhà mẹ đẻ của mình ở xã M, huyện H để sinh sống. Dịp tháng 3/2020, do dịch Covid diễn biến phức tạp nên anh T có về nhà ông bà gần một tháng, nhưng anh T không muốn đến Tòa án để giải quyết ly hôn. Ông bà đã khuyên giải nhưng không có kết quả nên nay chị C có đơn xin ly hôn anh T thì ông bà hoàn toàn nhất trí, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị C và anh T được ly hôn.

Về con chung: Chị C và anh T không có con chung. Về tài sản chung của vợ chồng chị C, ông Th bà T trình bày: Trong ngày cưới, vợ chồng chị C được gia đình tặng cho 08 chỉ vàng. Ông bà cũng xác định đây là tài sản thuộc quyền sở hữu của vợ chồng chị C, ông bà không có yêu cầu gì về số tài sản này và sẽ có trách nhiệm thông báo cho anh T để anh T đến Tòa án giải quyết. Thời gian chị C sống ở gia đình ông bà, chị C không mua sắm và kiến thiết hay đóng góp tài sản gì cho gia đình ông bà.

Việc gửi văn bản tố tụng của Tòa án cho anh T, gia đình đã nhận được đầy đủ và ông bà đã thông báo bằng điện thoại cho anh T biết. Ông Th bà T đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

****/ Qua xác minh với Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình vào ngày 13/5/2020 thể hiện:***

Về thời gian, điều kiện kết hôn giữa chị C và anh T đúng như chị C đã trình bày. Sau khi kết hôn anh T và chị C chung sống với nhau tại gia đình anh T ở thôn Đ, xã T. Khoảng 02 tháng sau khi cưới thì vợ chồng anh chị mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chính là về tính tình không hợp nhau và bất đồng quan điểm sống. Về thời gian mâu thuẫn của vợ chồng chị C và thời điểm chị C bỏ về nhà mẹ đẻ ở huyện H sinh sống, địa phương và cơ sở thôn cung cấp phù hợp với lời trình bày của chị C và ông Th, bà T. Anh T hiện nay đang làm lao động tự do ở tỉnh ngoài, nay đây mai đó, khi ở Hà Nội, khi ở Quảng Ninh, thì thoảng anh T có về địa phương thăm gia đình. Hiện tại anh T vẫn có hộ khẩu thường trú tại địa phương và không làm thủ tục tạm trú, tạm vắng. Nay chị C có đơn xin ly hôn anh T, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Chị C và anh T không có con chung.

Về tài sản chung: Anh T và chị C chưa tạo lập tài sản gì chung lớn và không có khoản nợ nào với địa phương.

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình có quan điểm:**

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

- Về việc chấp hành pháp luật của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng như viết bản tự khai, giao nộp các tài liệu, chứng cứ, tham gia đầy đủ theo triệu tập của Tòa án phục vụ cho việc xét xử vụ án. Bị đơn không chấp hành Giấy triệu tập của Tòa án và không đến Tòa để viết bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hai lần vắng mặt tại phiên tòa.

- Về nội dung và quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 24, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, đề nghị:

- + Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đào Thị Ngọc C được ly hôn anh Lâm Anh T.
- + Quan hệ con chung: Không đặt ra giải quyết.
- + Quan hệ tài sản: Do nguyên đơn không yêu cầu, bị đơn không thể hiện quan điểm về tài sản nên Tòa án không xem xét giải quyết.
- + Chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền của Tòa án: Chị Đào Thị Ngọc C có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Lâm Anh T nên đây là vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn là anh Lâm Anh T có nơi cư trú tại thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình nên đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 và đoạn 2 của điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về việc quyết định áp dụng thủ tục xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Đào Thị Ngọc C có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa và giữ nguyên quan điểm giải quyết vụ án như nội dung đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án. Bị đơn anh Lâm Anh T đã được triệu tập hợp lệ 02 lần đến phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án căn cứ

vào các điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là chị C và vắng mặt bị đơn là anh T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị Ngọc C và anh Lâm Anh T kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình ngày 30/3/2019 là hôn nhân hợp pháp. Do vợ bất đồng quan điểm sống, mặt khác anh T lại có biểu hiện chơi lô đề, cờ bạc, rượu chè dẫn đến nợ nần rồi về nhà chửi bới chị C nên mâu thuẫn vợ chồng phát sinh. Gia đình anh chị đã khuyên bảo nhưng không có kết quả, cuộc sống hôn nhân của chị C anh T không được cải thiện. Từ tháng 6/2020 chị C đã bỏ về sống cùng bố mẹ đẻ của chị và sống ly thân với anh T. Quá trình ly thân không ai quan tâm đến ai và cả hai không tìm biện pháp cải thiện tình cảm. Tòa án cũng đã hỗ trợ về việc gửi các tài liệu, chứng cứ mà chị C giao nộp cho anh Thuận theo đơn đề nghị của chị C và đã triệu tập hợp lệ anh Thuận nhiều lần. Gia đình anh T đã biết việc chị C xin ly hôn anh T và đã thông báo cho anh T để yêu cầu anh T đến Tòa án trình bày quan điểm nhưng anh T không chấp hành. Điều này chứng tỏ anh T không thiết tha gì với cuộc hôn nhân này và không có nguyện vọng xin đoàn tụ với chị C. Xét đời sống chung của chị C anh T đã chấm dứt trên thực tế, thực trạng quan hệ vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho chị Đào Thị Ngọc C được ly hôn anh Lâm Anh T.

[2] Về quan hệ con chung: Chị Đào Thị Ngọc C và anh Lâm Anh T không có con chung, chị C không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về quan hệ tài sản: Do chị C không yêu cầu giải quyết và không có lời trình bày của anh Thuận về vấn đề tài sản, vì vậy chưa đủ căn cứ xác định tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản của chị C và anh T nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Chị C và anh T có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án dân sự khác về quan hệ tài sản chung của vợ chồng khi cần thiết.

Về án phí: Chị Đào Thị Ngọc C phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 300.000đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào 39 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, đoạn 2 của điểm e khoản 1 Điều 192, khoản 4 Điều 147, các điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 267, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí tòa án

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử cho chị Đào Thị Ngọc C được ly hôn anh Lâm Anh T.

2. Về quan hệ con chung:

Chị Đào Thị Ngọc C và anh Lâm Anh T không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Chị Đào Thị Ngọc C phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000đồng chị C đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số 0003752 ngày 27/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình sang thành tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Án tuyên công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn chị Đào Thị Ngọc C và bị đơn anh Lâm Anh T. Báo cho biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình (số vào sổ ĐKKH: 09 ngày 30/3/2019);
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũ Thư;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

